

Trước hết, hãy dõi theo phạm vi lan rộng của các dấu ghe ão, gia công trên từng thanh, đoạn đá. Ở giàn ãn nhỏ, dấu vết ghe ão thấy trên toàn bộ 2 mặt thân của 7 thanh, đoạn. Có 7 đoạn, thanh chỉ thấy dấu ghe ão ở một mặt. Ở giàn ãn lớn, có 2 đoạn có dấu ghe trên một mặt thân. Toàn bộ các đoạn khác ãu có dấu ghe trên mọi mặt thân, mọi rìa cạnh và rìa phía ãu. Diện tích có dấu ghi trên các thanh, đoạn ãn đá Bình ãa là rất phổ biến. Những thanh đoạn không ão ở một mặt thân, chẳng qua, bởi mặt ão có lớp vỏ đá ã phẳng, bằng như (hoặã hơn) những mặt thân tương ứng có ão ghe ão. Nhìn chung, tất cả các thanh, đoạn ãn đá ở ãy ãu trải qua quá trình ão ghe ão công phu, tỉ mỉ trên phạm vi khá rộng (hay rộng khắp). Nhiều dấu ghe lớn nhỏ, nông sâu chồng chất phá vỡ nhau là chứng tích rõ rệt của quá trình ão ãi, ão lại nhiều lần trên từng thanh, đoạn đá. Không thể ãm một cách chính xác số lượng các vết ghe, ão. Song, cũng phải có ãn hàng chục, hàng trăm dấu ghe trên mỗi thanh, đoạn đá. Chúng ãu có ão trưng kỹ thuật thống nhất ; có ão rộng luôn luôn lớn hơn ão ãi, tuy kích thước có khác nhau. Chúng có hướng ão theo chiều thống nhất từ rìa cạnh vào giữa thân. ão sâu của các dấu sỡ ãu không lớn. khoảng 0,02 – 0,05 cm, và có xu hướng chung là sâu về phía ngoài và cạn về phía trong mặt thân. ão ão chung của những dấu sỡ ão là kết quả của việc áp dụng kỹ thuật ão với trình ão tay nghề khá tinh xảo. Những vết ghe ão ấy có vẻ như lộn xộn. Nhưng thực ra, chúng ãu ẩn dấu trong mình hình ảnh của qui trình chế tạo và ão ão của kỹ thuật làm ãn rất chặt chẽ.

Có thể hình dung quá trình ão như sau : ãu tiên người xưa ã ghe mặt thân bằng cách dựng ãng các thanh đá theo chiều ngang : rồi tiến hành việc ão ão bớt bề ãy của thanh đá. Góc ão hơi nghiêng về phía ngoài, ão tạo cho thân thanh đá có chiều ãy ở giữa và mỏng dần về 2 rìa cạnh. Quá trình ão ấy ão thực hiện một cách tỉ mỉ. Chính xác ão tạo lên ãng thân các thanh đá khá thống nhất như ão nói ở trên. ãy cũng là quá trình ão thực hiện ãu tiên trong chuỗi ãi của quá trình ão ão làm bàn đá.

Tiếp sau việc ão tạo ãng thân, là quá trình tu sửa rìa cạnh. Những vết tích của việc ghe sửa rìa cạnh cũng còn lưu lại khá rõ nét trên các thanh, đoạn đá. Các vết tích ấy ão phản ánh tiến trình kỹ thuật ão ão trải qua 2 bước. Bước thứ nhất, tạo diện

ghè thẳng góc hoặc gần thẳng góc với một thân, bằng kỹ thuật đục tách những mảnh nhỏ. Những vết tích của bước kỹ thuật này còn thấy ở mức độ khác nhau trên các thanh, đoạn đá. Trong giàn đàn nhỏ có 7 thanh, đoạn còn diện ghé trên toàn bộ rìa cạnh của một mặt thân ; có 4 đoạn, thanh còn diện ghé trên một đoạn rìa cạnh ; có 6 đoạn không còn diện ghé. Trong giàn đàn lớn có 2 đoạn còn diện ghé trên toàn bộ rìa cạnh ; các đoạn khác đều không còn diện ghé.

Trên bề mặt tương đối phẳng của các diện ghé ấy, bước gia công thứ hai được thực hiện một cách tỉ mỉ, cẩn thận. Đây là khâu kỹ thuật cuối cùng trong cả quá trình đục đẽo; làm đàn đá. Người xưa chắc hẳn cũng đã dựng các thanh đá theo chiều ngang, có độ nghiêng thích hợp ; rồi tiến hành đục tách những vẩy đá nhỏ và ngắn theo trình tự lần lượt từng mặt của mỗi rìa cạnh, tạo nên những dáng cạnh các thanh đá có góc nhọn hoặc tù khác nhau. Những dấu sọc tách vẩy nhỏ này đều thấy rõ trên các rìa cạnh của từng thanh, đoạn đá. Trong đó, giàn đàn nhỏ có 10 thanh, đoạn có dấu sọc này trên 2 rìa cạnh ở một mặt thân, có 7 đoạn được đục tách vẩy trên 2 rìa cạnh ở một mặt thân và có 7 đoạn được tách vẩy trên 2 rìa cạnh và 2 mặt trên, dưới. Trong giàn đàn lớn có 7 đoạn có dấu đục này trên 2 rìa cạnh ở một mặt thân và có 6 đoạn được đục tách vẩy trên 2 rìa cạnh của cả 2 mặt thân.

Đối với những thanh còn nguyên và những đoạn phía đầu của các thanh đá, chúng ta còn thấy có những dấu ghé đục ở các rìa đầu. Những rìa đầu có dáng thẳng ngang hoặc hơi xiên được tạo nên bởi kỹ thuật cưa hoặc kỹ thuật ghé. Những rìa đầu có dáng hình cung đều còn thấy rõ dấu đục giống như trên các diện ghé còn sót ở các rìa cạnh. Những rìa đầu loại này chắc đã được đục cùng một lúc, cùng một phương pháp với việc tạo diện ghé ở các rìa cạnh của các thanh, đoạn đá.

Nói tóm lại, các dấu sọc đục đẽo trên các thanh, đoạn đá đã thể hiện đầy đủ việc chế tạo đàn đá Bình Đa từng có một qui trình kỹ thuật chặt chẽ ; việc đục đẽo đều tuân thủ theo một phương pháp, một thao tác nhất định. Có thể nói rằng, không một thanh, đoạn nào không có đầy đủ dấu ấn của qui trình kỹ thuật ấy ; không một bộ phận nào của đàn không có mặt vết tích của phương pháp đục, của thao tác kỹ thuật như vậy. Đây là một đặc trưng thống nhất chung của tất cả những thanh, mảnh đá trong di tích đàn đá Bình Đa.

Nếu như có sự khác nhau giữa các thanh, đoạn đá về mặt chế tác, thì nó chỉ thể hiện ở mức độ của sự gia công nhiều hay ít. Ví như, có thanh còn giữ một phần vỏ đá ; có thanh, đoạn còn lại vài đôi chút diện. Thoạt nhìn, tưởng chúng có vẻ như đang còn ghe ão dang dở. Thực ra, những thanh, đoạn ấy, đã có dáng hoàn chỉnh, giống như các thanh, đoạn khác. Chúng đã hoán toàn khác với một đoạn phác vật đàn đá, cùng tìm thấy ở di tích Bình Đa. Đoạn phác vật này là phiến đá đẹt, hình gần vuông (do bị gãy). Trên phác vật chỉ mới thấy dấu vết ghe ão tạo mặt phẳng trên dưới của thanh, tạo diện ghe quanh rìa cạnh, rìa đầu. Những dấu đục ão tạo dáng thân, những dấu đục tách vẩy của quá trình hai bước chế tạo các thanh đàn đá hoàn toàn chưa thấy. Cho nên, dù có sự chênh lệch đôi chút về mức độ, phạm vi của các dấu đục, của sự gia công, hầu hết thanh, đoạn đàn đá ở Bình Đa vẫn có đầy đủ đặc điểm chung của một sản phẩm đã hoàn chỉnh.

Cũng cần nói thêm, trên toàn bộ các thanh, đoạn đá hoàn toàn không có dấu ấn của kỹ thuật mài. Người làm đàn đá không dùng kỹ thuật mài ; tuy loại kỹ thuật này từng được họ dùng rộng rãi trong việc chế tác công cụ, dụng cụ và đồ trang sức thời đó. Đây cũng là một trong những biểu hiện làm đậm nét thêm đặc trưng thống nhất chung của các thanh, đoạn đàn đá Bình Đa.

Cùng với việc nghiên cứu dấu sọc ghe ão trên đá, đàn đá Bình Đa còn được phân tích về mặt chất liệu, Kết quả giám định mà các nhà địa chất – thạch học ⁽⁹⁾ đã chỉ ra là, những thanh, đoạn đá đều làm bằng đá phiến đóm, loại đá này là sản phẩm của quá trình biến chất tiếp xúc yếu ; có cấu tạo khối, kiến trúc hạt vẩy biên đôi. Thành phần khoáng vật tạo đá gồm thạch anh 40% - 50%, phen-xpát 30 – 35%, biô-tít, môt côn-ít, ka-ri-xít 15 - 0,5%, quặng 0,5 - 1%. Đặc tính vật lý của loại đá này là có thể trọng 2,70, có mô-đun đàn hồi 0,544, có độ cứng 4 (theo cương giai Môt).

Những điều mách bảo ấy của địa chất học đã khẳng định thêm một đặc điểm mới rất quan trọng, là tất cả các thanh, đoạn đàn đá đều được làm bằng một loại đá giống nhau, loại đá phiến đóm. Đặc điểm ấy đã chứng tỏ rất rõ người xưa làm đàn đá Bình Đa từng có sự chọn lựa và đã chọn được một loại đá thích hợp. Loại đá phiến

⁽⁹⁾ Những ý kiến về địa chất – thạch học là của Nguyễn Thanh Châu, Dương Thanh Hiệt thuộc liên đoàn địa chất 6 (Tổng cục địa chất)

đốm là loại nham thạch được họ chọn, Trong số không ít loại đá như đá ba-dan, đá hoa cương, đá an-dê-dít, đá cát, đá “Biên Hoà” ở vùng đất Đồng Nai. Loại đá phiến đốm có âm thanh phát ra vừa vang, vừa trong, khi gõ trên mặt đá. Cái đặc tính kêu hay và vang ấy đã hấp dẫn trước hết, và khiến người xưa chọn đá này để làm đàn Bình Đa, Ngoài ra, phiến đốm, trong tự nhiên thường ở dạng kết thành lớp, dễ tách thành những tấm đá dài, dẹt, phẳng, thẳng phù hợp với dáng chung của những thanh đàn. Phiến đốm lại có độ cứng vừa phải (4 trên 9), không mềm mà cũng không quá cứng, nên việc đục đẽo tạo dáng, chỉnh hình dễ đạt tới sự chính xác như ý muốn. Mặt khác, với thể trọng tương đối nhẹ, phiến đốm dễ dàng hơn trong sử dụng. Phiến đốm được người xưa chọn làm đàn quả không phải là ngẫu nhiên. Có thể nói rằng, phiến đốm đã hội tụ nhiều đặc tính tự nhiên được coi là thích hợp nhất cho việc làm “nhạc cụ” trong điều kiện kỹ thuật thời xa xưa ấy. Nó vừa có đặc tính “kêu hay” lại còn có đặc tính dễ làm cho “kêu đúng”, hợp với ý muốn của người “thợ” làm đàn và người dùng đàn.

Đá phiến đốm, loại đá không có nhiều ở đất Đồng Nai, đã đáp ứng được yêu cầu làm đàn, đá được người xưa chọn làm đàn cổ. Tuy nhiên, để cho đá ấy vang lên đúng tiếng nhạc, để cho nó trở thành đàn đá Bình Đa cổ xưa, người “thợ” kiêm nhạc công đã phải trải qua bao tìm tòi, thử nghiệm, phải dày công đục đẽo, phải chỉnh hình, sửa âm. Do vậy mà, chính những dấu vết ghe đẽo có vẻ thô sơ và lộn xộn phủ khắp mặt các thanh đàn đá mới thực sự là hình ảnh cụ thể của tất cả mọi sáng tạo của người xưa, mới phản ánh sâu sắc tài nghệ của họ suốt quá trình làm nên đàn Bình Đa. Và cũng chính những dấu vết kỹ thuật ấy đã tạo nên, như đã phản ánh, đặc điểm thống nhất chung trên những mặt chủ yếu nhất của đàn đá Bình Đa.

... VÀ MỐI LIÊN HỆ VỀ MỘT NHẠC CỤ CỔ KÍNH

Nhưng khám phá tại hiện trường, những phân tích trên tư liệu đều cho thấy, di tích đàn đá Bình Đa mang nhiều đặc trưng thể hiện người thời xưa chế tạo những thanh, đoạn đá đều nhằm vào việc sử dụng âm thanh của nó. Người xưa đã phải tìm chọn đá kêu đã đục đẽo công phu và chính xác, đạt với sự hoàn chỉnh về dáng hình, về âm thanh. Song thật đáng tiếc, đa số các thanh đá đều bị gãy vỡ. Đàn đá Bình Đa

đã không còn lưu lại cho chúng ta tất cả những âm thanh trầm bong ở buổi ban đầu của nó. Chúng ta hoàn toàn không thể dựng lại đúng những tiếng nhạc, những thang âm của nó. Cũng do vậy, việc tìm hiểu, phân tích triệt để “tính nhạc cụ” của đàn đá Bình Đa khó thực hiện hết. Có đôi thanh còn nguyên dáng hình, được đo tần số âm thanh, biết là có đã cao Fa, nhưng quả thật không gọi mở được mấy, không góp phần được bao nhiêu vào việc xác minh tính nhạc cụ của đàn đá này

Quả thật là khó. Nhưng cũng còn có những dữ kiện khác, những mối liên hệ khác dẫn đến những kết luận đáng tin cậy về tính nhạc cụ của đàn đá Bình Đa. Trước hết, hãy lần tìm dấu vết sử dụng đàn. Cũng Thật không may là trên toàn bộ bề mặt các thanh, đoạn đá đều đã bị phủ một lớp pa-tin⁽¹⁰⁾ màu xám nhạt nên không thể nhìn rõ các dấu vết sử dụng. Tuy nhiên, trên không ít thanh, đoạn đá thường có một biểu hiện chung là: tại mặt lõm khoảng giữa thân đều khá nhẵn hoặc đã được ghe sửa cho nhẵn, ngược lại, ở đầu thân luôn luôn còn lưu giữ nhiều dấu sẹo ghe đục lồi lõm khá sâu. Những vùng lõm hoặc phẳng, nhẵn ở khoảng giữa thân hẳn là nơi từng được gõ thành tiếng nhạc. Ở những thanh còn nguyên phát ra thường hay nhất, tròn nhất.

Vị trí gõ đàn đúng vào giữa thân, như nói trên, lại hoàn toàn phù hợp với đặc điểm cấu trúc dáng hình của các thanh đàn. Bởi nơi đây, chính là điểm trung tâm hoặc mỏng nhất, hoặc hẹp nhất trên toàn chiều dài của thân đàn. Từ điểm đó, âm ba toả ra có cường độ mạnh nhất. Ở điểm đó, người ta sẽ nghe tiếng đàn lớn nhất, mà không cần phải gõ quá mạnh. Rõ ràng là, xác định được điểm sử dụng, và giải thích ưu điểm phát âm của vị trí ấy, đã phần nào minh x1c thêm tính chất nhạc cụ của đàn đá Bình Đa. Người xưa đã thực sự có chủ ý và đã có tính toán, để ghe đẽo tạo nên điểm chơi đàn hay nhất.

Một mối liên hệ khác cũng đáng tin cậy là những dữ kiện dân tộc học rất sống động còn lưu đọng trong sinh hoạt văn hóa của đồng bào Tây Nguyên. Chỉ cách nay chưa tới 30 năm, người ta còn nghe được còn trông thấy được, cảnh tượng chơi đàn đá ở làng Bù Đơ (Bảo Lộc - Lâm Đồng) và ở một làng gần Bu Đang Srê (Tây Ninh). Những cảnh chơi đàn ấy đã được J. Bun-bê và A. Phr-rây-rôt miêu tả rõ ràng. Bun-bê cho biết, đồng bào Mạ tung gọi những thanh đá kêu ấy là đàn đá (gòn lú) ; đã coi

⁽¹⁰⁾ Pa-tin là lớp vật chất bám ngoài mặt đá do vùi lấp lâu ngày trong lòng đất

những thanh đàn đó là trời ban cho, là vật thiêng. Họ thường cất đàn đá dưới bàn thờ bếp lửa, và chỉ đưa ra chơi trong những cuộc lễ đâm trâu lớn. Chơi đàn đá xong, quét máu trâu, rồi cất ngay. Khi chơi, những nhạc công đặt thanh đá nằm lên đùi, lấy gậy gõ vào khoảng giữa thân của thanh đá. Đàn vang lên những âm thanh lớn và thật có “tính nhạc”. A. Phe-rây-rốt còn cho biết cụ thể hơn, vào tháng 9-1973, ông được người Mnong cho xem một giàn nhạc gồm nhiều nhạc cụ khác nhau, trong đó có đàn đá. Người Mnong ấy đã ngồi xỏm đôi diện nhau để gõ đàn. Các thanh đàn đá còn được treo lơ lửng, mà không để trên đùi. Người ta đã đánh đàn bằng những hòn đá có vết ghè đẽo.

Như vậy, dùng đá làm đàn, dùng đàn đá tấu thành tiếng nhạc, thành nhạc điệu trong cuộc lễ, trong các đêm vui là một hình thức sinh hoạt văn hóa cổ truyền của đồng bào Tây Nguyên. Và, đàn đá vốn từng là một nhạc cụ có vị trí quan trọng trong to hợp nhạc cụ cơ xưa của người Tây Nguyên. Riêng những thanh đàn đá ở làng Bù Đơ lại có điểm rất lý thú. Nó có chất liệu đá, có kỹ thuật đục đẽo, có hình dáng và cả vị trí gõ gần như rất giống với đàn đá Bình Đa. Nó cũng được làm bằng đá phiến đóm biến chất ; được đục, đẽo thành những thanh đá có dáng dài, dẹt, thẳng ; cũng được gõ ở giữa thân như ở đàn đá Bình Đa.

Đến đây, chúng ta đã có đầy đủ căn cứ khoa học khẳng định những thanh đá ở Bình Đa thực sự là một loại nhạc cụ - đàn đá - và từng được sử dụng như một nhạc cụ. Một nhạc cụ đã hoàn chỉnh với đầy đủ tiêu chuẩn riêng của nó. Ngày nay, Đàn Bình Đa đã gãy vỡ, âm thanh không còn như xưa. Nhưng giá trị khoa học, giá trị lịch sử của nó vẫn còn gần như nguyên vẹn. Đúng như vậy! Chỉ riêng việc tìm thấy nó nằm trong khu cư trú cổ Bình Đa ở lớp đất sâu 0m65 cũng đã rất quan trọng. Bởi nhờ đó, mà ít ra, cũng xác định được một cách rõ ràng, thời điểm thật cổ xưa của truyền thống sử dụng đàn đá như một nhạc cụ. Như đã nói, đàn đá Bình Đa nằm tập trung ở độ sâu 0m55 đến 0m65 trong lớp đất văn hóa co, cùng với nhiều vật dụng khác. Nếu so với lớp đất sâu 1m90 được định tuổi bằng C14 là 3.180 ± 50 năm cách ngày nay, thì lớp đất có đàn hẳn có tuổi muộn hơn. Song tất nhiên, đàn đá chắc chắn phải có tuổi sớm hơn lớp đất phía trên nó. Như vậy, nếu toàn bộ tầng văn hoá cư trú ở làng cổ Bình Đa được xác định từ 4.000 đến 2.500 năm cách nay như đã nêu, thì tuổi đàn đá

phải sớm hơn 2.500 năm. Nếu tính cả thời gian sử dụng, thì tuổi tương đối hợp lý cho di tích đàn đá Bình Đa là khoảng 3.000 - 2.700 năm cách ngày nay.

Đây là tuổi khá cổ kính, có thể ví ngang với những trống đồng Đông Sơn sớm nhất ở miền bắc nước ta. Vào thời điểm 3.000 năm ấy, trên khắp hai miền đất nước ta, là thời kỳ bắt đầu nở rộ các nền văn hoá đồ đồng đặc sắc. Ở miền bắc có văn hoá Đông Sơn ; ở miền nam có văn hoá Dốc Chùa. Đàn đá Bình Đa đã tồn tại vào đúng thời điểm đặc biệt ấy. Nó hẳn đã trở thành sản phẩm văn hoá tiêu biểu và độc đáo của những cư dân cổ sống ở miền đất Đồng Nai thời ấy. Nó không lộng lẫy, không hài hoà, cân đối như trống đồng Đông Sơn, nhưng nó lại ấn dấu, trong cái dáng vẻ mộc mạc, có phần thô sơ, những kết tinh cao độ của một truyền thống âm nhạc đặc sắc.

Rõ ràng, đàn đá Bình Đa là một báu vật cần và đáng được trân trọng, là sản phẩm văn hoá tinh thần cổ kính và thật đặc sắc phải được lưu giữ mãi mãi.

PHẦN BA

ĐÀN ĐÁ BÌNH ĐA TRONG GIA ĐÌNH ĐÀN ĐÁ VIỆT NAM

Trong những phát hiện đàn đá từ trước đến nay, thì khám phá đàn đá Bình Đa có sức hấp dẫn thật kỳ lạ. Ngay từ khi đàn vừa lộ khỏi lòng đất, một cảnh tượng rộn rịp của các đoàn đại biểu lãnh đạo, cán bộ của tỉnh Đồng Nai, của thành phố Hồ Chí Minh, của Trung ương đến xem đàn đá diễn ra liên tục trên công trường khai quật suốt trong nhiều ngày. Tại đây, đàn đã vỡ hàng chục mảnh nằm nguyên trên mặt đất, không còn nguyên âm thanh kỳ diệu, quyen rũ lòng người như đàn Nơ-đút Liêng Cơ-rắc, đàn Khánh Sơn. Ấy vậy mà, ai nấy đều vẫn thấy hứng thú, một sự hứng thú thực sự, tự trong đáy lòng. Tại hiện trường, mọi người đều chú ý nghe lấy từng lời giới thiệu, ghi chép tỉ mỉ. Có người còn chụp ảnh liên tay. Và cũng có người nhìn ngắm, quay phim liên tục. Tất cả đều như muốn nắm bắt tối đa, thu nhận thật đầy đủ những vết tích đàn đá từ ngàn xưa, mà nay lần đầu mới gặp lại. Có lẽ họ như cùng chung một suy nghĩ là trong cái hiện trường thâm lặng và có vẻ khô khan ấy, chứa đựng biết bao điều hệ trọng. Và chính họ cũng đã cảm thấy cái khám phá đàn đá Bình Đa này đến với gia đình đàn đá Việt Nam như một sự kiện khoa học thật quan trọng. Nó sẽ

gợi mở được nhiều vấn đề khoa học mấu chốt và nóng bỏng nhất trong công cuộc tìm kiếm và nghiên cứu đàn đá đang diễn ra rất sôi động

Điều suy nghĩ chung ấy quả có cội nguồn sâu xa của nó. Nếu dõi theo quá trình gần nửa thế kỷ tìm kiếm đàn đá, kể từ giàn đàn đá giữ rẫy mà G.D. Gi-rông-cua (Georges de Gironcourt) nhìn thấy và ghi chép lại vào năm 1939-1940, đến đàn đá tiền sử Nơ-đút Liêng Cờ-rắc (Ndut Lieng Krak), đàn Bảo Lộc (tức Bù Đơ), đàn Lôt An-giơ-lét (los Angelès), đàn Bù-Đăng-Xrê, rồi đàn đá Khánh Sơn, thì hầu như chưa có nơi nào tìm được một hiện trường nguyên vẹn từ đầu với một tầng đất văn hóa cổ xưa như ở Bình Đa.

G. Công-đô-mi-nát (Georges Condominas), nhà dân tộc học Pháp có may mắn biết sớm nhất phát hiện đàn đá Nơ-đút Liêng Cờ-rắc. Ông ta đã đến nơi tìm thấy đàn đá, chú ý quan sát, tiến hành cả việc đào bới vùng đất xung quanh, nhưng đã không tìm được vết tích tầng văn hoá cổ. Cuối cùng, trong báo cáo viết về đàn đá tiền sử Nơ-đút liêng Cờ-rắc, ông chỉ có thể phác họa đôi nét về vị trí của các thanh đàn, vị trí các mấu than, mấu đá vụn và vẽ lại một sơ đồ giả định những lớp đất phủ lấp trên đàn đá. Những bản vẽ phác họa ấy hầu như ít có giá trị về mặt nghiên cứu khoa học. Bởi lẽ, nó chủ yếu dựa vào sự tường thuật lại theo trí nhớ của dân công người Mơ-nông Ga (Mnong Gar) cộng với sự suy tưởng của tác giả

Từ chỗ không có hiện trường với tầng văn hoá cổ, đã kiến G.Công-đô-mi-nát và nhiều nhà khoa học khác có nhiều ý kiến khác nhau trong việc định tuổi đàn đá Nơ-đút Liêng Cờ-rắc.

Các nhà tiền sử học Châu Âu, khi đến xem đàn đá Nơ-đút Liêng Cờ-rắc bày ở bảo tàng Con Người (Pari), hầu như đều nhìn nhận đàn có tuổi rất cổ, tới vài nghìn năm ; thậm chí đến khoảng vạn năm, vào hậu kỳ thời đại đá cũ. Ngược lại, A. Sáp-ne (André Schaeffner) – nhà âm nhạc học – có lẽ dựa vào trình độ phát triển của âm nhạc, cho rằng đàn này có thể có từ nhiều thế kỷ nay, vào khoảng đầu công nguyên, tương ứng với thời đại đồ đồng.

Ý kiến của A. Sáp-ne, về sau lại khá gần gũi với với những nhận định của các nhà nghiên cứu tiền sử Đông Dương như, L.Bơ-da-xiê (Louis bezacier), L. Man-lơ-rê (Louis maneret), và O. Yan-xê (Olov Jansé). Những nhà tiền sử học này cho rằng

đàn đá nói chung và đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc là sản phẩm của cuối thời đại đá mới (khoảng đầu công nguyên)

Riêng G. Công-đô-mi-nát luôn tỏ thái độ mập mờ trong việc định tuổi cho đàn, bởi đã nhận thấy phát hiện đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc thiếu hẳn những dữ kiện khoa học về địa tầng. Tuy vậy, trước hai chiều hướng định niên đại đàn cách biệt khá lớn, ông đã tìm một giả thiết dung hoà. Một mặt vừa cho rằng “những người chế tác đàn đá phải sống vào thời kỳ mà kỹ nghệ làm đồ đá đã lên tới đỉnh cao nhất, nghĩa là vào lúc mà kim loại trở nên đối thủ lớn của đá”. Mặt khác, ông lại cũng thừa nhận “chúng ta đứng trước một tập hợp 10 thanh đá (chỉ đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc) ghè đẽo theo kỹ thuật Bắc Sơn với sự gia công đáng chú ý”.

Sự khác biệt cũng như sự mập mờ về tuổi đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc ấy cứ tiếp tục tồn tại mãi hàng chục năm vẫn chưa được sáng tỏ. Trong khi đó, có thêm một loạt các phát hiện đàn đá khác nhưng cũng không đưa đến những dữ kiện mới để khẳng định được tính chất cổ kính của đàn đá. Những giàn đàn ở Đắc Tô (Gia Lai-Kông Tum) của đồng bào Xơ-đăng được G.D. Gi-rông-cua nhắc đến lần đầu là một giàn giữ rẫy thuộc thời kỳ hiện đại. Giàn đàn đá Bảo Lộc được đồng bào Mơ- nông Mạ sử dụng như công đá, theo kê lại, cũng chỉ vài đời, lỗi vài trăm năm lại đây. Giàn đàn ở Bu-đăng-xrê mà A. Phe-rây-rôt (Albino Fer- reiros) đã thấy chơi vào tháng 9-1973, quả là một nhạc cụ cổ truyền, đến nay còn sử dụng. Cuối cùng phát hiện đàn đá Khánh Sơn vào tháng 9-1979 cũng lại ở trong tình trạng chưa có đủ chứng lý khoa học để định tuổi. Các giàn đàn Khánh Sơn, khi đến tay nhạc sĩ Kpa YLăng, Ca-xô Liễn đều ở dưới dạng những “vật quý”, “vật báu” của dòng họ Bo-bo, mà trước đây không lâu từng được dùng làm các giàn đá kê giữ rẫy. Khi muốn tìm nguồn gốc xưa, muốn nắm biết hiện trường tìm được những thanh đàn đá ấy thì ít người nhớ rõ. Muốn hỏi vị trí đào được “đá kê” thì nhiều người gần như quên lãng. Chỉ riêng ông Bo-bo Ren còn nhớ được cụ thể nơi cha ông, cụ Bo-bo Sung, đào được đá kê đem về dựng giàn đàn. Đó là ở đỉnh núi Dốc gạo. Một cuộc khảo sát, rồi hai lần đào đã được tiến hành kịp thời ở nơi ấy. Có đến vài trăm mảnh tước, dăm tước ghè tách từ những thanh đá kê, cùng vài phác vật, phế vật đàn đá đã thu được ngay trong chỗ đào. Quả đúng ! Đây là nơi từng dùng để ghè đẽo đá kê, làm thành đàn đá ; là mộ di

tích “xương” đàn xưa với đầy đủ tiêu chuẩn của nó. Song thật đáng tiếc, trong lớp đất văn hóa cổ của “xương” này, giữa một vùng bề bộn những mảnh tước, dăm tước đá lớn nhỏ, những lá mục của cây rừng, những đất núi..., không hề tìm được vết tích, vật dụng cho biết tuổi đàn một cách cụ thể. Do vậy, cho dù ông Bo-bo Ren khẳng quyết nhiều lần rằng, gia đình ông không hề ghè đẽo đá kê làm đàn thì tuổi đàn Khánh Sơn vẫn còn ẩn dấu trong bức màn bí mật của lịch sử. Có Chăng, chỉ có thể nói được là, đàn Khánh Sơn là một đàn đá cổ, được ghè đẽo trước khi dòng họ Bo-bo đào lấy đem về làm giàn đá kê giữ rẫy.

Tuổi đàn Khánh Sơn được xác định chung chung như vậy, quả cũng gần giống như G. Công-đô-mi-nát gọi đàn đá (Nơ-đút Liêng Cơ-rắc, đàn đá Bảo Lộc là đàn đá tiền sử. Việc dùng những chữ “cổ” hoặc “tiền sử” trên thực tế, chỉ để phân biệt những đàn đá ấy với những giàn đàn giữ rẫy được đồng bào Tây Nguyên dựng lên trong khoảng thời gian gần đây.

Thật rõ ràng, từ Nơ-đút Liêng Cơ-rắc đến Khánh Sơn, có khá nhiều đàn đá đã được khám phá, với số lượng hàng chục bộ, số thanh đến cả trăm... Nhưng rốt cuộc, tuổi đàn chung và riêng, trước sau vẫn chưa được soi tỏ. Những dự đoán vạn năm, vài nghìn năm hoặc vài thế kỷ cho tuổi đàn, như đã nêu, đều chỉ là những suy diễn chưa đủ căn cứ khoa học, chưa đủ sức thuyết phục. Đồng chí Đinh Ngọc Thủy, Giám đốc Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam có lý, khi tỏ ra phân vân chưa dám đưa đàn đá trưng bày ở Bảo tàng. Bởi lẽ, đàn chưa được định tuổi rõ ràng và chính xác.

Trong khi những nhà khoa học nghiên cứu đàn đá gần như bó tay trong việc định tuổi cho đàn và đang chờ mong những nỗ lực tìm kiếm của khảo cổ học, thì khám phá đàn đá Bình Đa trong tầng văn hóa cổ quả đã đưa đến cho mọi người sự mừng vui không kể xiết. điều ước mong bấy lâu, thì nay đã đến và đến thật đột ngột. Nhiều người đã lao đến hiện trường khai quật. Dưới mắt họ đã hiện ra, không phải chỉ có những mảnh đàn đá nằm nguyên vị trí ban đầu (in situ) của nó, mà còn có cỡ tầng văn hóa cổ dày đến 2 - 3 mét. Họ thấy cả những lớp than tro đượm nhiều màu sắc, chồng chất lên nhau của những bếp lửa lớn. Họ còn thấy rõ nghìn vật dụng sản xuất, dụng cụ sinh hoạt bằng đá, hàng vạn mảnh đồ đựng bằng gốm nằm chung lẩn với đàn xưa. Tầng văn hoá cổ ở đây thật là phong phú, và khá lý tưởng, Từ những

chúng tích vật chất ấy, tuổi đàn và cả cuộc sống của người từng chế tạo ra loại nhạc cụ độc đáo ấy sẽ được soi tỏ chính xác.

Đúng vậy ! Nếu như trước đây, người ta cứ phân vân, rồi cứ tranh luận mãi về tuổi của đàn vì thiếu căn cứ khoa học ; thì nay, căn cứ ấy đã thật nhiều, thật đa dạng... Chỉ cần nhìn tổng quát sưu tập hiện vật đồ sộ ở đây, mà hầu hết là chất liệu gốm, đá, cũng có thể có một ấn tượng mạnh mẽ về tính chất khá cổ kính của di tích này, và của đàn đá Bình Đa. Đại thể, tuổi cơ kính của đàn cũng phải xưa cả hàng mấy nghìn năm. Từ ấn tượng ban đầu ấy, người ta cũng thật dễ dàng thấy khó chấp nhận những suy nghĩ trước đây về một niên đại khá muộn màng, độ vài trăm năm, đối với thời điểm khởi đầu của loại nhạc cụ này như vài nhà dân tộc học thường quan niệm. Thậm chí, người ta cũng dễ dàng gạt bỏ ý kiến cho rằng tuổi đàn xưa nhất cũng chỉ vào khoảng thế kỷ đầu công nguyên, kho đồ sắt thịnh hành, như O. Yan-xê từng gợi lên.

Nếu, chúng ta tiếp tục tìm hiểu sâu, phân tích kỹ những hình dáng, những dấu vết kỹ thuật, những đường nét hoa văn... trên các loại vật dụng sản xuất, đồ dùng sinh hoạt bằng đá, bằng gốm, rồi đối chiếu, so sánh, tìm ra những mối liên hệ, những sự giống nhau giữa các vật dụng nơi đây với các di tích làng cổ khác trong vùng, thì lại có thể biết được tuổi cụ thể hơn của làng cổ Bình Đa và của đàn đá. Kết quả của sự quan sát, đối chiếu tỷ mỉ ấy cho thấy đàn có tuổi tương ứng với khoảng thời gian, mà khảo cổ học quen gọi là cuối thời đại đá mới đầu thời đại kim khí của vùng đất Đồng Nai. Tuổi ấy được định chắc chắn khoảng 4000 đến 2500 năm cách ngày nay. Khung thời gian này rõ ràng có nhiều cứ liệu khoa học trực tiếp và cụ thể hơn nhiều so với các dự đoán vắn vỏi, vài nghìn năm của nhiều nhà tiền sử học về Âu Châu, về Đông Dương đã đề xuất trước đây.

Tất nhiên, việc định niên đại như trên hẳn chưa đủ đáp ứng yêu cầu muốn biết chính xác hơn, rõ ràng hơn về tuổi đàn. Cũng thật may mắn, trong các lớp đất văn hoá cổ ở đây đã lưu giữ khá nhiều vết tích than củi trong các bếp than tro. Nhờ những mẫu than ấy, khảo cổ học có điều kiện vận dụng phương pháp tính niên đại bằng C14 để có thể định tuổi đàn bằng số năm cụ thể hơn.

Viện Hàn lâm Khoa học nước Cộng hòa dân chủ Đức đã giúp phân tích một mẫu than lấy từ lớp đất sâu 1m90 trong di tích Bình Đa. Kết quả phân tích cho biết mẫu than ấy có tuổi là 3180 ± 50 năm cách nay. Đàn đá nằm ở độ sâu từ 0,60 đến 0,90m. Như đã nói, tuổi của nó chắc phải muộn hơn chỉ số C14 nêu trên. Nhưng nó cũng không thể muộn đến 2600 - 2500 năm, lúc đồ sắt đã xuất hiện ở vùng đất này. Một niên đại đàn được coi hợp lý nhất là vào khoảng 3000 - 2700 năm cách ngày nay.

Đây là tuổi đàn đá đầu tiên được xác định khá rõ ràng, có độ chính xác cao và độ tin cậy lớn. Nó là là kết quả của sự vận dụng nhiều phương pháp phân tích khác nhau về khảo cổ học và cả về khoa học tự nhiên hiện đại. Trong đó, điều cơ bản nhất là niên đại ấy được xác định từ những dữ kiện, những tài liệu rút tĩa trong một địa tầng khảo cổ nguyên vẹn và thật phong phú. Không nghi ngờ gì nữa, nhờ khám phá đàn Bình Đa, những mong đợi từ hơn 30 năm qua về một niên đại cụ thể và chính xác của đàn đá mới thành sự thật. Niềm tin về một tuổi đàn cổ coi như được khẳng định. Giờ đây, không còn ai phải dè dặt, phải đắn đo nữa khi nói đàn đá nước ta đã xuất hiện từ khoảng 3000 năm trước. Dòng nhạc đàn đá Việt Nam, ít ra đã có chiều dài lịch sử cả ba nghìn năm. Theo đó, truyền thống chế tạo và sử dụng đàn đá trong cộng đồng các dân tộc miền Nam nước ta hẳn có cội nguồn từ lâu. Và cũng từ đây, sẽ không còn ai hoài nghi và đặt vấn đề tranh luận dài dòng, nhiều ngày nữa về tuổi của đàn đá. Những người trước đây chủ trương một niên đại muộn màng độ vài thế kỷ hoặc từ đầu công nguyên trở lại ; và những ai quan niệm đàn đá phải xưa đến sơ kỳ thời đại đá mới ; thậm chí tận cuối thời đại đá cũ (!) chắc hẳn phải xem lại giả thiết của mình nếu không muốn lỗi thời với thành quả mới của khám phá đàn đá Bình Đa.

G. Công-đô-mi-nát khi mới được xem đàn đá Bình Đa, vào tháng 5-1981, đã không nén nổi xúc động nói : “Các ông có may mắn hơn tôi nhiều. Các ông đã tìm thấy đàn đá trong tầng văn hóa cổ”. Ông ta đã thấy trong khám phá đàn đá Bình Đa có nhiều điều hệ trọng. Cho nên trong cuốn “*L' exotique est quotidien*”, tái bản lần thứ 3 năm 1981, theo như lời ông nói, nhà Xuất bản chỉ cho phép bo sung 24 dòng chữ, thì ông đã dành toàn bộ để giới thiệu những khám phá đàn Khánh Sơn, Bác Ai, Bình Đa. Trong đó, ông không quên ghi vào chú thích dưới trang, tuổi đàn Bình Đa

khoảng 4000 - 3000 năm cách ngày nay, theo như dự đoán ban đầu mà đoàn khai quật đã thông báo vào cuối năm 1979. Phải chăng đó là sự chấp nhận khá tế nhị giá trị khoa học của khám phá đàn đá Bình Đa?

Niên đại khoảng 3000 năm ấy của đàn đá Bình Đa rõ ràng đã trở thành một mốc cột số cụ thể chính xác và được cắm vững chắc nhất trên chặng đường dài của lịch sử phát triển dòng nhạc truyền thống đàn đá.

Nó là chỗ dựa đáng tin cậy về niên đại cho có gia đình đàn đá Việt Nam hiện nay. Nhiều công trình, nhiều báo cáo nghiên cứu gần đây về đàn đá ở Phú Khánh, Lâm Đồng và Thuận Hải đều thừa nhận niên đại đàn Bình Đa có sức thuyết phục nhất, là nền tảng cho mọi suy nghĩ, tính toán tuổi của các đàn đá khác từ Nơ-đút Liêng Cờ-rắc đến Khánh Sơn

Lúc này, các nhà bảo tàng học cũng không còn phải phân vân đối với việc đưa đàn đá vào trưng bày, bởi niên đại đã được khẳng định rõ. Khám phá đàn Bình Đa quả là sự kiện khoa học quan trọng trong gia đình đàn đá Việt Nam. Nó cũng là sự kiện có ý nghĩa sâu sắc, đưa lại cho mỗi người chúng ta niềm tự hào phần khởi về truyền thống âm nhạc độc đáo, cổ kính của đất nước Việt Nam với mấy nghìn năm lịch sử

Định được tuổi đàn khoảng 3.000 năm, khám phá đàn Bình Đa như đã mách bảo với chúng ta là muốn tìm hiểu văn hóa và cuộc sống của những con người sáng tạo nên loại nhạc cụ đặc sắc ấy, hẳn trước họ phải tiếp cận với những tư liệu trực tiếp thuộc về (hoặc tương đương) thời điểm lịch sử ấy. Thật may mắn ! cuộc khai quật di tích làng cổ Bình Đa, ngoài đàn đá, đã thu lượm được một khối lượng hiện vật, tài liệu đồ sộ và phong phú. Như đã nói, kể từ phát hiện đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc năm 1949 đến những cuộc sưu tầm đàn đá ở vùng Khánh Sơn trong những năm 1979 - 1980, một khối lượng lớn tư liệu đàn đá đã thu thập. Gia đình đàn đá có tới cả hàng chục giàn, với hàng trăm thanh đá. Song, chỉ cần nhìn qua cũng đủ thấy bộ mặt của gia đình đàn đá quả khá đơn điệu. Những thành viên của nó chỉ toàn là những thanh, những phiến đoạn đàn, và thêm vào đó là những mảnh tước, dăm tước đã được ghè tách từ các thanh đá lưu làm đàn, là vài phác vật, phế vật. Hay nói một cách khác, gia đình ấy chỉ đơn thuần là những thành phần của các giàn đàn khác nhau cùng với những vật liệu có quan hệ trực tiếp đến đàn. Trong gia đình ấy không có lấy một vật

phẩm mang những sắc thái khác, gắn với các hoạt động kinh tế, hoặc có quan hệ đến cuộc sống vật chất của lớp người từng chế tạo và sử dụng đàn đá.

Tính đơn điệu ấy của tư liệu đàn đá đã dẫn đến một hệ quả tất yếu là trong suốt mấy chục năm qua, hầu như các báo cáo sưu tầm, các bài nghiên cứu đều tập trung vào việc miêu tả kỹ, phân tích sâu những tư liệu về đàn. Chủ đề được chú ý, được tranh luận nhiều nhất cũng là đàn và nhạc. Người ta đã phân tích chất liệu làm đàn, truy tìm lại cách thức ghè đẽo đá thành đàn, quan sát kỹ hình dáng từng thanh, suy nghĩ về cách đánh đàn, đo tính tần số âm thanh, thử dựng lại thang âm, tìm định cấu trúc biên chế của từng giàn đàn. Người ta cũng đã dành nhiều trang để viết, đã đề xuất về những mối liên hệ giữa thang âm đàn đá với những dòng nhạc đó đây ở Tây Nguyên, ở In-đô-nê-xia hoặc ở tận vùng đảo Ma-đa-gát-xca xa xôi vv... A. Sáp-ne và Y. Cun thì liên hệ nhạc đàn đá với giàn nhạc cổ truyền Ga-mê-lăng, với âm giai Pê-lôc ở Gia-va (In-đô-nê-xia). Trong lúc đó, Trần Văn Khê, khi được nghe nghe đàn Nơ-đút-Liêng Cờ-rắc, rồi được xem và nghe diễn tấu đàn Khánh Sơn lại ghi nhận có mối liên hệ gần gũi giữa âm thanh đàn đá với âm nhạc cổ truyền Tây Nguyên, đặc biệt với giàn cồng đồng hiện còn sử dụng phổ biến trong các tộc người ở đây...

Có thể nói rằng, bởi tính chất tư liệu như vậy, nên các nhạc sĩ, các nhà nghiên cứu âm nhạc đã tự nhiên trở thành đội quân chủ lực trong công việc sưu tầm, nghiên cứu. Đồng thời, họ cũng chi phối luôn cả nội dung các chủ đề nghiên cứu theo hướng chỉ bàn sâu vào đàn và nhạc. Họ gần như không chú ý và cũng không hề bàn tới những vấn đề về kinh tế - xã hội, về cuộc sống của chủ nhân đàn đá xưa. Thậm chí ngay cả G. Công-đô-mi-nát, với chuyên môn sở trường là nghiên cứu dân tộc học Đông Nam Á từng khảo sát về kinh tế-xã hội cổ truyền của các dân tộc học Tây Nguyên, cũng chưa dám bàn sâu, chưa dám viết nhiều về cuộc sống người chủ đàn xưa. Ông ta chỉ gợi ra đôi ba ý kiến ngẩn ngui, không phân tích, không lý giải về mối quan hệ văn hoá truyền thống, tộc người của giới chủ nhân đàn đá xưa với các dân tộc người Tây Nguyên ngày nay. Đại khái ông chỉ nêu: “Nhóm tộc người làm đàn đá và những người Mơ-nông, Mạ, Mơ-nông Ga ngày nay đều chung cộng đồng văn hóa” hoặc chỉ viết “Chủ nhân đàn đá Nơ-đút-Liêng Cờ-rắc, đàn Bảo Lộc thuộc nhóm tộc người nói tiếng Môn-khome ; chủ nhân đàn đá Khánh Sơn. Bác Ái là thuộc nhóm tộc

người nói tiếng Mã Lai -Đa Đảo”. Ngoài ra, ông không bàn luận thêm gì nữa. Chỉ có một mình Anh Ca trong bài “Tâm sự cây thạch cầm xưa nhất thế giới” đã phác dựng khá hấp dẫn cuộc sống của chủ nhân đàn đá xưa. Anh Ca đã mượn lời lẽ của cây đàn đá để viết : “Thuở ấy, người ta còn ăn lông ở lỗ ; và tháng ngày những người bản xứ đến triền núi tìm đá để đẽo thành những lưỡi búa, lưỡi dao để phanh thây những thú rừng mà họ săn được. Biết bao nhiêu đồng loại của tôi đã từ già triền núi về ở trong các hang đá. Một hôm có người nhặt tôi về. Anh ấy không đẽo tôi thành búa mà lại đẽo tôi thành một mảnh đá đẹp và vuông dài...Tôi trở thành của riêng của viên tù trưởng. Trong các dịp vui buồn của bộ lạc, anh nhạc sĩ gõ nhẹ vào thân tôi, tôi ngân lên những bản đàn tuyệt diệu. Mấy người trong bộ lạc kính nể tôi lắm... Họ vẫn ví tôi như một vị thần linh.

...Những người đào được tôi cũng là cháu chắt chi của những người trong bộ lạc ngày xưa, nhưng họ không biết tôi gì. Họ tưởng rằng tôi là những viên đá do người Chàm đẽo ra..., mà tôi có biết người Chàm là gì?...

Câu chuyện ấy còn dài, nhưng chỉ với những đoạn trích trên cũng đủ để ghi nhận những điều phác họa ấy của Anh Ca quả là thật táo bạo. Cứ theo nội dung chuyện kể thì Anh Ca - một nhà nghiên cứu âm nhạc dân tộc nổi tiếng, đã nắm đầy đủ tài liệu, đã biết căn kẽ mọi khía cạnh tế nhị, phức tạp và khác nhau của các ý kiến nghiên cứu về đàn đá này (tức đàn Nơ-đút Liêng Cờ rắc). Trong đó, tuoi của đàn, như đã nói, có khá nhiều giả thiết. Nhưng có lẽ, vì quá say mê âm thanh đặc Biệt của đàn, lại vốn sẵn có lòng ngưỡng mộ di vật văn hóa cổ độc đáo ở bản xứ, Anh Ca đã bỏ qua những giả thiết về một tuoi đàn muộn màng. Anh Ca chỉ dựa vào một nhận sét nhỏ, sai lầm của Công-đô-mi-nát về : “Những thanh đá ấy được ghè đẽo theo kỹ thuật Bắc Sơn...”, làm nên cho trí tưởng tượng đầy thi vị của mình, để phác họa cảnh tượng cuộc sống khá nguyên thủy về cây thạch cầm xưa nhất thế giới (!), Việc dựa vào những căn cứ khoa học không đủ tin cậy ấy, tất nhiên sẽ dẫn đến những sự suy diễn sai lầm nhiều hơn. Nếu Anh Ca dựa vào một giả thiết khác về niên đại đàn, thì hẳn bức tranh cuộc sống của những người chủ đàn Nơ-đút Liêng Cờ rắc sẽ có bộ mặt khác hơn, phong phú hơn. Phải chăng Anh Ca đã hối hận về những lời tâm sự mà mình thuật hộ cho cây thạch cầm xưa ấy ? Cho nên, đến khi viết bài “Tôi gặp lại đàn

đá Khánh Sơn” dưới bút danh Trần Văn Khê, thì câu chuyện trao đổi giữa đàn với Anh Ca, hầu như không nói hoặc chưa thể nói đến hình ảnh sinh hoạt của chủ nhân đàn xưa

Như vậy, cho đến trước lúc đàn đá Bình Đa được phát hiện, người ta gần như không nghĩ đến, hoặc chưa dám, hoặc bỏ qua việc nghiên cứu cuộc sống chủ nhân đàn xưa. Người ta chỉ mới biết, hoặc mới hiểu phần nào về âm thanh, về thang âm của nhạc, về tuổi của đàn, về mối liên hệ cơ truyền của nhạc đàn đá. Ngoài những điều ấy ra, người ta hoàn toàn không biết hoặc không hình dung đúng đắn nền tảng kinh tế - xã hội, mà từ đó đàn đá đã xuất hiện, trở thành sản phẩm độc đáo và tiêu biểu trong xã hội ấy. Cho nên, tuy âm thanh của dòng nhạc đàn đá từ lâu đã cuốn hút lòng người, nhưng nếu hỏi đến cội nguồn xa xưa, muốn biết đến xã hội đã nuôi dưỡng dòng nhạc độc đáo ấy thì rõ ràng tất cả chúng ta đều phải chờ những khám phá mới.

Phát hiện đàn đá Bình Đa năm 1979 đã đáp ứng sự chờ mong ấy của mọi người. Như đã trình bày, trong tầng văn hoa cổ Bình Đa, bên cạnh đàn đá, khảo cổ học còn tìm được cả nghìn công cụ sản xuất, vật dụng bằng đá, hàng chục vạn các mảnh đồ đựng bằng gốm, những vết tích bếp lửa, những tàn tích xương răng thú vật xa xưa. Đây là khối lượng tư liệu lớn, mà toàn bộ là những vật thật, những di tích nguyên vẹn do chủ nhân đàn xưa từng dùng hoặc chế tác nên. Chúng phản ánh rất thực, rất đúng không chỉ về các mặt đặc điểm kinh tế - văn hoá, về cuộc sống xã hội, mà cả về môi trường, môi sinh nơi người chủ đàn xưa cư ngụ

Trước đây, G. Công-đô-mi-nát đã tích lũy nhiều tư liệu dân tộc học về văn hóa - xã hội Tây Nguyên cơ truyền. Nhưng những tư liệu ấy thường không tránh khỏi kim cơ hòa trộn, cũ mới đan xen. Cho nên, ông ta đã buộc phải dè dặt khi dùng chúng để mong dựng lại hình bóng mờ ảo của quá khứ lịch sử đàn nghìn xưa. Nay, với khám phá khảo cổ Bình Đa thì nào búa, rìu, cuốc, rìu lưỡi dao, lưỡi đục... của người xưa đều đã có đủ mặt. Những bếp lửa, những nồi vò, bình, bát... dùng để đun nấu, để đựng lương thực, thực phẩm... cũng đều thu thập được cả. Chỉ cần phân tích, nghiên cứu trực tiếp những đồ vật ấy là có thể làm cho những “vật câm” ấy, những di tích “im lặng” ấy nói lên được tiếng nói xác thực của lịch sử, kể lại được cuộc sống của

những người chủ đàn xưa, mà bấy lâu còn bị quên lãng trong ký ức của nhiều thế hệ người

Có thể nói rằng, nhờ có khám phá khảo cổ Bình Đa mà nội dung tư liệu nghiên cứu đá mới bắt đầu có được bộ mặt toàn diện và trở nên phong phú. Và, cũng chỉ từ khám phá này, một pho sử thật cụ thể sống động về đàn đá, về xã hội đàn đá mới có thể bắt đầu được khởi thảo bằng những cứ liệu khoa học đáng tin cậy

Thực ra, trên thực tế những trang sử của cuộc sống ấy không hẳn quá xa lạ, quá mới mẻ đối với khảo cổ học. Bởi, nhiều vật dụng cổ xưa cùng loại, cùng kiểu như ở Bình Đa từng đã được tìm thấy ở nhiều nơi, trong không ít di tích làng co hàng nghìn năm trước trên vùng đất Đồng Nai rộng lớn. Những làng cổ ấy cũng đã được khảo cổ học nghiên cứu. Nhiều cổ vật xưa cùng loại đã được phân tích.

Cho nên, trong quá trình khai quật di tích cư trú cổ Bình Đa, người ta đã gần như lần lượt gặp lại nhiều dạng đồ vật quen biết. Những đường nét chung về hình ảnh cuộc sống kinh tế – văn hoá của cư dân cổ trên vùng đất Đồng Nai cũng dần dần lộ ra theo từng lớp đất ở Bình Đa. Cuộc sống xưa của người Bình Đa rõ ràng không phải là biệt lập, lẻ loi mà trên cơ bản, là một bộ phận gắn bó hữu cơ với cuộc sống phong phú của chung cả cộng đồng người Đồng Nai xưa cũ ấy.

Tuy nhiên, cũng phải nói rằng, chỉ đến lúc tại di tích làng cổ Bình Đa tìm được đàn đá trong tầng văn hoá cổ, thì mọi người mới biết đến, mới nhận thức rõ ràng và chắc chắn, hình thức sinh hoạt nhạc đàn đá, vốn từ xa xưa đã có mặt trong cuộc sống của cộng đồng cư dân cổ Đồng Nai. Cũng từ đây, mọi người mới rõ là, những cư dân ấy không chỉ đã sáng tạo nên một nền văn hoá có sắc thái riêng, được khoa cổ học gọi là “văn hoá Đồng Nai”, mà họ còn là những chủ nhân đàn đá xưa, là những người mến mộ nhạc đàn đá.

Đặc biệt, các nhà địa chất học, dựa vào kết quả phân tích thạch học những mảnh đàn đá ở đây, còn mách bảo cho biết, những người Đồng Nai xưa ấy, chắc hẳn là những nghệ nhân đã làm ra sản phẩm đàn đá Bình Đa. Họ đã lấy đá làm đàn từ những mô đá, quanh vùng Châu Thới - một ngọn núi nổi tiếng gần Biên Hòa, chỉ cách Bình Đa khoảng 4km. Nơi đây có loại đá phiến đóm biến chất yếu giống như đá làm đàn. Trong khi đó, tại các vùng xa, trên cao nguyên Di Linh - Bảo Lộc, nơi tìm thấy đàn

đá Nơ-đút Liêng Cờ-rắc, đàn đá Bảo Lộc, thường chỉ thấy có loại đá phiến biến chất rắn cứng hơn, do bởi những nơi ấy nằm gần trung tâm phun xuất các dòng nham thạch của các thời kỳ thành tạo địa chất xa xưa

Như vậy, đàn đá Bình Đa không phải chỉ là chứng tích của sự tồn tại một hình thức sinh hoạt văn hóa, mà chính bản thân nó là sản phẩm được làm tại chỗ, trên đất Đồng Nai cổ kính. Nó hoàn toàn gắn quyện trọn vẹn với cuộc sống con người với đất Đồng Nai từ cả nghìn năm trước. Cộng thêm vào đó, với tuổi được biết chính xác là khá cổ, hoặc vào loại cổ nhất, nên có thể coi đàn đá Bình Đa như là thành tựu của một phát minh kỹ thuật - nghệ thuật độc đáo của lớp người xưa ấy. Họ và chính họ những người mở đầu (hoặc cùng góp phần mở đầu) cho những sáng tạo và phát triển loại nhạc cụ này. Họ đã khởi dựng nên dòng nhạc đàn đá, trong đó thiên nhiên Đồng Nai, cuộc sống xã hội Đồng Nai xưa, có thể coi như là nơi đất to, là bầu sữa mẹ đã sản sinh ra, đã nuôi dưỡng dòng nhạc ấy ngay từ buổi ban đầu chập chững.

Từ mối liên hệ hữu cơ gắn kết trên một bình diện văn hóa - xã hội Đồng Nai - Bình Đa, đàn đá nêu trên, khiến có thể dẫn đến một suy nghĩ hợp lý là những trang sử và thiên nhiên, về cuộc sống, về con người được khảo cổ học viết bằng nguồn sử liệu lấy từ lòng đất nơi đây, cũng chính là những bức tranh xã hội mà trong đó đàn đá, dòng nhạc đàn đá đã hình thành và dần dần trở nên một biểu tượng văn hóa đặc sắc

Xã hội ấy, cuộc sống ấy và cả thiên nhiên ấy, ngày nay đã hiển hiện rõ ràng nhờ kết quả của những khám phá, những nghiên cứu khảo cổ học ở di tích Bình Đa, ở nhiều làng cổ cùng thời trên đất Đồng Nai xưa cũ. Những đường nét cơ bản, những đặc điểm lớn về thiên nhiên, về thời đại, về kinh tế - văn hóa của xã hội ấy đâu có thô sơ như những suy nghĩ của nhà dân tộc học G. Công-đô-mi-nát ; và cũng hoàn toàn xa lạ với những phác họa của Anh Ca trước đây.

Tại đây, những dáng vẻ thô thiển, những biểu hiện “nguyên thủy” của truyền thống kỹ thuật văn hóa Bắc Sơn - một nền văn hóa cổ trong vùng núi đá vôi ở tỉnh Bắc Thái - mà G. Công-đô-mi-nát nêu lên nhiều lần, thì không tìm đâu thấy. Tại đây, cũng không có cảnh “người còn ăn lông ở lỗ”, hoặc chỉ biết “phanh cây thú rừng mà họ ăn được bằng những đồ đá đẽo thành lưỡi búa, lưỡi dao” như Anh Ca suy tưởng. Những cảnh tượng ấy hoặc không hề thấy trong khung cảnh thiên nhiên nơi đây, hoặc

đã thuộc về một dĩ vãng xa xôi đối với những người sáng tạo nên nhạc cụ đàn đá. Cuộc sống cụ thể và đích thực của họ đã hoàn toàn là một cuộc sống khá phát triển trên nhiều phương diện.

Họ không còn phải ở trong hang động để tránh thú dữ, phòng thiên tai. Họ đã tụ cư thành những làng cổ lớn trên những đồi gò, ven sông, cạnh suối với những rừng cây, những thung lũng xen kẽ. Họ cũng đã nhóm họp thành một trung tâm dân cư lớn, bao quát cả vùng đất cao Đông Nam Bộ.

Trình độ kỹ thuật của họ cũng không phải chỉ biết có ghè đẽo đá. Trên thực tế, họ đã làm đồ đá thành thạo, với đủ loại ngành nghề khác nhau như đẽo, đục, cưa, khoan, mài và cả tiện nữa. Đồ đá của họ làm ra đầy rẫy khắp nơi trong các làng cổ để dùng trong sản xuất, săn bắn, nghề thủ công, trong trang sức, sinh hoạt, trong cả nghệ thuật điêu khắc và âm nhạc. Họ đã làm đồ gốm vừa chắc, vừa đẹp, nhiều kiểu, nhiều dáng với những quy trình gia công phức tạp. Đồ gốm họ làm ra cũng nhiều vô kể, để dùng cho nhu cầu sinh hoạt, đời sống và cả trong nghề thủ công.

Đặc biệt, trong số họ cũng có những người thợ thủ công ở vài làng cổ đã chuyên làm nghề luyện chế hợp kim đồng, thiếc, chì, đúc nên nhiều sản phẩm nhỏ nhắn nhưng thật độc đáo.

Trên nền tảng của sự phát triển chung về kỹ thuật, cùng với mật độ dân số cao và không ngừng ra tăng, những hoạt động nông nghiệp được mở rộng trên các vùng đồi gò đất đỏ, đất sẫm ven suối, gần sông theo hình thức ruộng nương, ruộng rẫy. Họ đã tạo nên một trung tâm nông nghiệp phát triển.

Từ trong hoạt động sản xuất lấy nông nghiệp nương rẫy làm phương thức sản xuất chính, những người nông dân vùng cao tiếp giáp đồng bằng châu thổ ấy, đã cùng xây dựng nên một nền văn hoá đặc sắc – nền văn hoá Đồng Nai. Họ đang bước trên tiến trình phát triển đến ngưỡng cửa thời đại mà Engels gọi là văn minh.

Hình ảnh cuộc sống phong phú ấy ở vùng đất Đồng Nai đã diễn ra cùng thời với cuộc sống Đông Sơn của người Việt cổ ở vùng trung du đồng bằng sông Hồng và sông Mã.

Văn hóa Đông Sơn ở vùng đất tổ, trong những năm 3000 cách ngày nay, đã diễn ra một bước nhảy vọt lớn, đưa đến sự phát triển cực thịnh kỹ nghệ đúc luyện

đồng pha, sự mở rộng nền nông nghiệp lúa nước trên mặt châu thổ. Cuối cùng, tạo dựng nên Nhà nước sơ khai với nền văn minh Việt cổ, có nhạc cụ tiêu biểu là trống đồng Đông Sơn.

Những người chủ vùng đất cũ Đồng Nai không tạo nên những trống đồng tráng lệ, không mở rộng nền nông nghiệp lúa nước. Họ nối tiếp và phát triển truyền thống nông nghiệp nương rẫy. Họ gửi gắm tất cả sự khéo léo, tinh tế của trình độ kỹ thuật - nghệ thuật và các loại vật dụng có vẻ mộc mạc hơn. Trong đó, đặc biệt nổi bật là họ đã làm ra những cây đàn đá tuyệt diệu với dòng nhạc chân chất, đượm sắc thái âm thanh của núi đồi và rừng rậm.

Đàn đá có thể đã xuất hiện, đã trở thành kiệt tác của người Đồng Nai xưa và trở nên đặc trưng nổi bật trong cuộc sống văn hóa của họ, hẳn là từ những điều kiện lịch sử như vậy. Trong đó, có thể ghi nhận ba yếu tố chủ đạo nhất được coi như là tiền đề vật chất dẫn đến sự hình thành loại nhạc đặc sắc ấy, đó là : thiên nhiên vùng đồi gò - nền nông nghiệp nương rẫy phát triển - thời đại đồ đồng hiếm kim loại.

Như vậy, từ sau khám phá đàn đá Bình Đa, đất Đồng Nai, cuộc sống Đồng Nai xưa, được chứng nghiệm là, đã in dấu sâu đậm vết tích nhiều giàn đàn đá cổ, đã từng là nguồn mạch cho sự nảy sinh và phát triển dòng nhạc đàn đá xưa. Cũng chính từ khám phá này, cả gia đình đàn đá cổ trải rộng khắp vùng cao Nam tây Nguyên có thể tìm thấy ở đất Đồng Nai xưa, trong lòng văn hóa Đồng Nai co, những hình ảnh đầu tiên xác thực về cuộc sống văn hóa của những người chủ đàn xưa. Thậm chí, cũng có thể tìm thấy ở đây, cội nguồn đầu tiên cho sự phát triển của một bộ phận gia đình nhạc đàn đá nhiều màu, nhiều vẻ.

Lòng đất Đồng Nai xưa, các lớp đất văn hóa phong phú và co kính của di tích làng cũ Bình Đa quả đã tạo cho đàn đá Bình Đa có một vị trí quan trọng trong gia đình đàn đá hiện biết. Nhờ đó, đàn đá Bình Đa mới có được tuối cụ thể và chính xác, mới gắn quyện được với một cuộc sống xác thực và phong phú. Cũng nhờ nó, đàn đá Bình Đa đã thu hút được sự chú ý đặc biệt của các nhà khoa học, của quần chúng rộng rãi.

Song, ngược lại, với tư cách là một chứng tích văn hóa tiêu biểu và độc đáo của lịch sử đàn đá Bình Đa cũng đã đưa lại cho các lớp đất văn hóa phủ lấp nó, các di tích, di vật xung quanh nó, một giá trị khoa học đặc biệt.

Như đã nói, phát hiện đàn đá Bình Đa, đối với mọi người, như là một sự kiện khoa học rất mới lạ. Ban đầu nhiều, người không khỏi ngạc nhiên trước phát hiện đó. Không ít nhà khoa học đã đến ngay hiện trường khai quật với những phân vân và suy nghĩ. Họ xem kỹ từng thanh, từng mảnh đàn đá. Họ gõ để nghe, để thẩm định tiếng nhạc. Rồi quan sát kỹ vị trí từng thanh, từng mảnh đá đàn. Và cuối cùng, thực tế hiện trường được minh xác. Di tích ấy đúng là di tích đàn đá. Nó không phải là vật được chôn cất ; cũng không phải là vật thờ cúng như đã ghi nhận ở đàn đá Nơ-đút Liêng Cơ-rắc trên đất Nam Tây Nguyên. Đây là một di tích nằm nguyên tại chỗ, trên bề mặt sinh hoạt xưa, trong tầng đất văn hóa không bị xáo trộn. Hay nói cách khác, nó cùng chung vận mệnh lịch sử với làng co, với những người xưa sống nơi đây.

Sau khi được xác định rõ như vậy, lớp đất phủ lấp toàn bộ di tích làng Bình Đa xưa, cùng với những vật dụng cổ nơi đây mới thực sự trở thành chứng tích khoa học quan trọng, đáng chú ý. Bởi lẽ, khi có chứng tích đàn đá ở đây, di tích làng cổ Bình Đa mới có những đặc trưng mới và tiêu biểu hơn các di tích khác. Và cũng do có đàn đá trong đó, mà làng cổ Bình Đa trở thành đối tượng được mọi người quan tâm nghiên cứu, nhằm bổ sung thêm những nhận thức khá cơ bản về đặc điểm văn hóa - lịch sử của một vùng đất rộng lớn vốn từng là địa bàn phát triển của một nền văn hóa cổ - Văn hóa Đồng Nai. Cho nên, nếu nhìn một cách toàn diện, thì đàn đá Bình Đa đúng là một chứng tích quan trọng nhất ; và do vậy, cũng hấp dẫn nhất trong bối cảnh lịch sử khám phá và trong tổng thể di tồn làng cổ Bình Đa hiện biết.

Đàn được sự chú ý của mọi người, được đánh giá cao về giá trị khoa học trong gia đình đàn đá Việt Nam cũng còn do từ những dáng vẻ cụ thể, những vết tích ghè đẽo và chất liệu, cấu trúc của nó... Nó chung, là từ những đặc trưng thể hiện ngay trên bản thân các thanh, các mảnh của đàn. Bởi từ trong những đặc trưng cụ thể ấy, những dáng vẻ đơn sơ ấy của đàn có thể nói lên hoặc phản ánh, nhiều điều hệ trọng có quan hệ đến văn hóa, đến lịch sử xưa, đến truyền thống độc đáo của một dòng nhạc có bản sắc riêng.

Cũng thật lạ, đàn ở trong di tích làng co Bình Đa do người xưa ở đất Biên Hòa - Đồng Nai, lấy đá ở núi Châu Thới, rồi ghè đẽo thành đàn, gồm nhiều thanh lớn, nhỏ, lại rất giống với các đàn đá ở tận đất Nam Tây Nguyên xa xôi. So sánh những thanh, những mảnh đàn đá Bình Đa, với những điều khảo tả, những hình vẽ, những ảnh chụp đàn đá Nơ-đút Liêng Cờ-rắc, do G. Công-đô-mi-nat giới thiệu, quả là chúng giống nhau như hình với bóng. Với 10 thanh còn nguyên vẹn, đàn đá Nơ-đút Liêng Cờ-rắc cũng có đủ những dấu vết kỹ thuật như tách đá, ghè đẽo thân, tu sửa rìa cạnh. Thân của các thanh đàn khá thẳng song song 2 rìa cạnh, ở giữa mỏng, dày 2 đầu ; mặt cắt ngang thân có hình bán nguyệt hoặc hình thoi. Hai đầu cũng có cấu tạo hình chữ U, chữ V hoặc thẳng xiên. Những đặc trưng kỹ thuật ghè đẽo, tu sửa ; những đặc điểm của dáng thân đều thật giống với các mảnh và thanh đàn đá Bình Đa. Đá làm đàn cũng đều dùng loại đá phiến biến chất, tuy có rắn và nặng hơn. Do có sự giống nhau trên nhiều mặt như vậy đã khiến cho G.Công-đô-mi-nát khi được xem đàn Bình Đa, phải thốt lên : “Đàn Bình Đa rất giống với đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc”.

Rồi đến đàn đá ở Bảo Lộc, mà đồng bao Mơ-nông Mạ gọi là công đá, cũng gần như là một phiên bản của đàn đá Bình Đa. Những đặc trưng kỹ thuật ghi tách, ghi đẽo, tu sửa ; những đặc điểm thân dày hai đầu ở giữa mỏng, mặt cắt ngang có hình thoi, hình bán nguyệt của đàn đá Bình Đa, hầu như đều thấy đầy đủ trên đàn đá Bảo Lộc. Chất liệu đá của đàn này cũng thuộc loại phiến bản chất. J. Bun-bê, người nhìn thấy đàn đá Bảo Lộc đầu tiên cũng như G. Công-đô-mi-nát đều có chung nhận xét là đàn ấy giống đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc.

Có điều đáng chú ý thêm nữa là, vị trí nơi đánh đàn ở trên cả 3 giàn Bình Đa, Nơ-đút Liêng Cờ-rắc và Bảo Lộc đều ở chính giữa mặt thân của các thanh đá. Ở những vị trí ấy, mặt đá được tu sửa gần như khá bằng phẳng.

Nhìn chung, cả ba giàn này, có vẻ như, đều được làm theo một quy trình kỹ thuật, có cùng một phương thức ghè đẽo. Dáng đàn, cách chơi đàn ăn như có một phong cách ổn định và nhất quán. Có thể nói, chúng là những nhạc cụ thuộc cũng một loại hình, mà trên cơ bản, đã được chế tạo theo một mẫu chuẩn rõ ràng.

Điều ghi nhận trên đây quả là đáng chú ý. Bởi ít ra, nó có thể gợi sự suy nghĩ là cả 3 giàn đàn này hẳn là sản phẩm của cùng một thời đoạn lịch sử, được chế tạo cách

ngày nay khoảng ba nghìn năm. Mặt khác, nó còn biểu thị cho sự tồn tại, trong thực tế lịch sử, một dòng nhạc đã đạt tới trình độ chuẩn mực nhất định. Đồng thời, nó cũng xác nhận hình thức sinh hoạt văn hóa bằng nhạc cụ đàn đá vừa có tính thống nhất lại vừa đạt tới sự phổ cập nhất định.

Đặc biệt, nếu liên hệ đến vị trí phát hiện các đàn đá ấy, sẽ thấy không gian phân bố loại hình nhạc cụ này khá rộng lớn. Có thể nói, nó trải rộng từ vùng đất Nam Tây Nguyên đến tận vùng tiếp giáp với đồng bằng châu thổ sông Đồng Nai. Trong đó, đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc ở tận tỉnh Đắk Lắk, là giàn đàn xa nhất về phía bắc, đàn Bảo Lộc ở trong tỉnh Lâm Đồng và đàn đá Bình Đa nằm ven Sông Đồng Nai, gần trung tâm thành phố Biên Hòa, được coi là giàn đàn xa nhất về phía nam.

Từ hiện tượng trên đây, có thể liên tưởng đến, vào khoảng thời gian 3000 năm trước, cả vùng đất Đồng Nai và Nam Tây Nguyên vốn từng có mối quan hệ gắn bó về văn hóa. Những tộc người xưa nơi đây hẳn cũng đã từng hòa chung một nhịp sống với những tiếng đàn đá thân quen, với những giàn đàn đá cùng hình dạng.

Vào thời điểm khoảng 3000 năm ấy, cũng lại gần như tương ứng với thời kỳ phát triển mạnh mẽ của trung tâm văn hóa cổ Đồng Nai. Lúc này, một loạt các làng cổ có qui mô lớn đang hình thành và phát triển như làng cổ Bình Đa, Bến Đò, Phước Tân, An Sơn, Rạch Núi, Mỹ Lộc, Cù Lao Rùa v.v... Nhiều điểm đúc luyện kim loại đồng pha mở rộng như ở Dốc Chùa, Suối Chôn v.v...

Sự trùng khớp giữa hiện tượng văn hóa - âm nhạc và biến chuyển kinh tế - xã hội mới trên hẳn không phải là ngẫu nhiên. Trên thực tế, chúng có mối liên hệ nhân quả rõ rệt. Trong đó, sự phát triển về kinh tế - xã hội là tiền đề vật chất tạo điều kiện cho dòng nhạc đàn đá đạt tới trình độ thống nhất rộng rãi. Ngược lại, sự hiển diện của ba giàn đàn cùng kiểu loại ấy là chứng tích cụ thể của những thành tựu kinh tế - văn hóa mà chủ nhân đàn đá xưa đã sáng tạo nên. Nếu suy đến cùng thì mối liên hệ nhân quả ấy phản ánh một điều rất cơ bản là địa bàn sinh thành những đàn đá Việt Nam cổ xưa ấy, quê hương đầu tiên của dòng nhạc đàn đá truyền thống chính tại vùng đất Đồng Nai - Nam Tây nguyên.

Đến đây có lẽ chúng ta đều thấy rõ, đàn đá Bình Đa với những đặc trưng cụ thể in dấu trên thân mình, cũng đã gợi mở không ít điều bí ẩn của lịch sử gia đình đàn đá

xưa. Nhờ phân tích nó, mà có thể biết chắc chắn cuộc sống Đồng Nai xưa và xã hội Tây Nguyên cổ vốn một thời có quan hệ khá mật thiết về văn hóa - xã hội. Và cũng nhờ có nó mà không gian nguyên xưa của dòng nhạc đàn đá mới được dựng lại đúng hơn

Chỉ có một điều đáng tiếc, là đàn Bình Đa ngay từ xa xưa đã không còn nguyên vẹn. Âm thanh trong sáng của đàn vốn một thời hòa quyện với sông nước Đồng Nai đã gần như không còn nữa, Nhưng, cũng lại thật may, đàn Bình Đa lại rất giống với đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc, đàn Bảo Lộc. Những âm thanh của các đàn này đều còn nguyên vẹn hoặc đã có một thời từng được sử dụng như công đá. Âm thanh của chúng vẫn còn chân chất như xưa. Do vậy tuy không còn giữ nguyên tiếng nhạc, đàn đá Bình Đa vẫn có thể tìm lại những âm thanh cao thấp gần gũi với mình qua những tiếng nhạc của đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc. Rồi từ đó, mà đàn có thể tìm thấy tiếng nói chung riêng với mọi âm thanh của các giàn đàn đá khác trong gia đình đàn đá Việt Nam. Đồng thời, cũng nhờ vào tiếng nhạc của đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc chúng ta có thể hình dung ra những sắc thái độc đáo của dòng nhạc đàn đá ban đầu ấy trong mối quan hệ với dòng nhạc cổ truyền hiện còn lưu giữ đến nay. Như đã trình bày, tiếng nhạc của đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc đã được nhiều nhà âm nhạc học nghiên cứu, phân tích rồi liên hệ với các loại hình nhạc cổ truyền khác nhau. Y. Cun cho rằng tiếng đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc gần với âm giai pê-lôc. A. Sáp-ne lại chủ trương là thuộc vào dạng thang âm có trước âm giai pê-lôc và xlăng-đơ-rô. Tuy nhiên, cả hai ông đều ghi nhận thang âm của đàn đá này là ngũ cung thuộc loại hình nhạc cổ truyền In-đô-nê-xi-a. Họ cũng cho rằng những thanh đàn đá Nơ-đút Liêng Cờ-rắc ấy chính là tiên tổ của giàn nhạc Ga-mê-lăng – một giàn nhạc cổ truyền ở Java – mà nay mới tìm lại được. Nói chung, Y.Cun và A. Sáp-ne đều quan niệm di ảnh của dòng nhạc đàn đá ấy vẫn còn thấy ẩn hiện trong một số loại nhạc cổ truyền trên “miền đất nghìn đảo” In-đô-nê-xia.

Trong khi đó, nhiều nhà âm nhạc học khác lại hướng việc tìm tòi hình ảnh, dấu tích dòng nhạc xưa ấy trong nền nhạc cổ truyền của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Trần Văn Khê, từ lâu có suy nghĩ và đã gợi ra đôi nét gần gũi và âm thanh, về cách sử dụng giữa đàn đá và công đồng. Ông đã viết : “Tiếng công Tây Nguyên

cũng vậy, nghe quen thuộc (với đàn đá), hoặc đã nghĩ “dùng cách đánh công mà đánh đàn đá có lẽ sẽ gần với phong cách Tây Nguyên hơn” và “Ở Tây Nguyên có nhiều dân tộc đánh công, mỗi dân tộc có một phong cách riêng, do đó có thể tìm được nhiều cách đánh đàn đá độc đáo lắm”

Các nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, Tô Vũ thì cho rằng “dòng nhạc đàn đá có nhiều nét gần gũi với dân ca của dân tộc Rắc-glai và các dân tộc khác của Tây Nguyên và phần nào của đồng bằng nữa.

Riêng Phạm Duy đã phát biểu “Lúc này, loại đàn đá vẫn còn được dùng tại cao nguyên. Hậu sinh của giàn thạch cầm nói trên (tức đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc) là những giàn nhạc nước, gồm những mảnh đá hay ống tre”

Ý kiến của các nhạc sĩ, của các nhà nghiên cứu âm nhạc thật muôn hình, muôn vẻ. Việc tìm lại hình ảnh dòng nhạc đàn đá xưa trong nền nhạc cổ truyền hiện nay quả còn phức tạp. Tuy nhiên, việc hướng vào Tây Nguyên, vào nền nhạc cổ truyền Tây Nguyên để tìm truyền thống nhạc đàn đá xưa được nhiều người chú ý hơn cả. Đó là điều hợp lý. Tại đây, nơi đất Tây Nguyên và cả ven rìa đất Tây Nguyên, những vết tích vật chất của dòng nhạc đàn đá xưa đã tìm được rất nhiều, lại phổ biến hơn cả. Từ Đắc Lắc đến Lâm Đồng, xuống Đồng Nai, qua Thuận Hải, rồi ra Phú Khánh đều đã thu thập được đàn đá xưa. Số lượng đàn có đến hàng chục giàn với hàng trăm thanh. Cũng tại nơi đây, những âm thanh chân chất của đàn đá cổ, những hình ảnh sinh động của dòng nhạc xưa cũ ấy vẫn còn lưu đọng, còn ẩn hiện không ít trong cuộc sống cổ truyền. Âm thanh ấy từng đã ngân vang giữa cảnh núi rừng, từ các giàn nhạc nước, hoặc chỉ riêng mình hoặc hòa trộn với những tiếng “đá kêu”, để giữ rẫy, bảo vệ mùa màng và cũng để vui tai. Âm thanh của đàn đá xưa còn đi vào cả sinh hoạt văn hóa của đồng bào dân tộc. Người Mơ-nông Mạ đã lấy những thanh đá nhạc cổ để làm công đá, chơi trong các ngày hội đến trâu cúng Giàng. Người Rắc-glai khi lấy được thanh đá đàn cổ, vừa đem làm giàn nhạc nước, lại có khi xếp thành từng “bộ”, làm gia bảo và gọi là “Mã La Ông Bà” dùng chơi trong ngày có hội vui. Thật rõ ràng, những tiếng nhạc đàn đá do người Đồng Nai - Nam Tây Nguyên xưa sáng tạo quả là rất thân quen đối với đồng bào dân tộc Tây Nguyên, trong nhiều mặt của cuộc sống. Những âm thanh đàn xưa ấy cũng đã góp phần tạo nên những nét đặc sắc rất dễ nhận

biết trong dân ca và dân nhạc Tây Nguyên cổ truyền ngày nay. Cho nên, Lưu Hữu Phước và Tô Vũ sau khi nghe diễn tấu, sau quá trình phân tích âm độ, âm hưởng, âm sắc của những thanh đàn đá Khánh Sơn, rồi liên hệ với tiếng đàn đá Nơ-đút Liêng Cờ-rắc đã ghi nhận: “Dòng nhạc đàn đá có nhiều nét gần gũi với nhạc và ca Tây Nguyên”

Từ những phân tích trên chúng ta có thể nghĩ rằng âm thanh của đàn Bình Đa hẳn cũng còn lưu đọng ít nhiều trong cuộc sống âm nhạc cổ truyền Tây Nguyên. Mặt khác, cũng có thể nói rằng, chỉ từ phát hiện đàn đá Bình Đa xưa, chúng ta mới nhận biết được bước đầu, nhưng có phần chắc chắn là cội nguồn âm thanh và tiếng nhạc của dòng nhạc cổ truyền Tây Nguyên, hẳn có bộ phận đã được nhen nhóm từ nhiều nghìn năm trước trong lòng nền văn hóa cổ Đồng Nai

Cũng bởi biết được có sự gắn bó truyền thống của dòng nhạc xưa và nay như vậy, nên việc tìm kiếm hình ảnh đàn đá xưa, rồi theo cách chơi đàn đá cho trong các tổ hợp nhạc cụ truyền thống ở vùng đất này là điều hợp lý về lô-gích lịch sử cũng như trên thực tế hiện nay. Nhiều nhà nghiên cứu âm nhạc từng đã nỗ lực sưu tầm theo hướng đó, đã đề xuất nhiều giả thiết khác nhau.

Đối với Phạm Duy thì “hậu sinh của cây thạch cầm xưa là những giàn nhạc nước”. Giả thiết này chỉ mới nêu lên, không được luận giải, nên chưa thể bàn luận. Tuy nhiên, dựa vào những tài liệu dân tộc học thu thập được đến nay thì trong đồng bào Tây Nguyên, dù là Ba-na hay Ê-đê, là Mơ-nông hay Rắc-glai... đều không hề gọi hoặc sử dụng những giàn nhạc nước ấy đúng như chức năng của một nhạc cụ. Họ thường gọi những dàn nhạc nước có treo đá ấy là những giàn đá kê, là teng leng, tung leng, tiing ghing, kling klung... Họ dựng những giàn đá kê ấy, chủ yếu là gây nên tiếng đá kê vang, để đuổi thú rừng, giữ lúa rẫy, lúa nương vào dịp làm đồng, chín rộ ; ngoài ra, cũng có phần để cho vui tai khi đá “cãi nhau”. Họ hoàn toàn không dùng các giàn đá kê giữ rẫy vào các cuộc sinh hoạt văn hóa, các hội lễ thờ cúng thần linh. Cho nên thật khó có thể nói những giàn “nhạc nước” là hậu sinh của đàn đá xưa, tuy âm thanh của nó thường khi lại có lẫn âm thanh của đàn đá nguyên xưa. Thêm nữa, nếu liên hệ đến vị trí phát hiện Đàn đá Bình Đa và cả đàn đá Nơ-đút Liêng Cờ-rắc, lại càng khó chấp nhận giả thiết nêu trên. Đàn đá Bình Đa xưa, như đã nói

nằm trọn vẹn trong khu cư trú, bên những bếp lửa lớn. Nó hầu như gắn với một hình thức sinh hoạt văn hóa, mà hoàn toàn xa lạ với việc xua chim, đuổi thú, chống phá nương, bẫy rẫy. Giàn nhạc nước và đàn đá xưa có nội dung chức năng thật khác biệt, không thể coi cái này là tiền thân hoặc hậu sinh của cái kia. Thuật ngữ “đàn đá” (lithophone) do G. Gi-rông-cua nêu đầu tiên để gọi các giàn nhạc nước và thuật ngữ “đàn đá tiền sử” do G. Công-đô-mi-nát dùng gọi đàn đá Nơ-đút Liêng Cờ-rắc, tuy đều có từ ngữ “đàn đá”, những nội dung hoàn toàn khác, không thể lẫn lộn. Một loại là tập hợp đá kê, một loại là những thanh đá nhạc được định chuẩn về kỹ thuật, về dáng hình lẫn âm thanh.

Suy nghĩ của Phạm Duy rõ ràng là không đúng. Trên thực tế, hầu như không có mấy nhạc sĩ đề xuất giả thiết như vậy. Họ dõi theo những giả thiết khác. Tuy nhiên, có một điều cần nêu là, nếu không chấp nhận giàn nhạc nước bằng đá kê là nhạc cụ chân chính, thì trong tổ hợp nhạc cụ cổ truyền Tây Nguyên hầu như không còn loại giàn đàn thông dụng nào được làm bằng đá. Tình hình đó dẫn đến những khó khăn nhất định trong việc truy tìm con cháu hậu sinh của giàn nhạc đá xưa. Nhưng cũng thật may mắn, trong những hiện tượng dân tộc học lịch sử rất hiếm hoi còn sót lại, người ta đã phát hiện được vài hình ảnh sinh hoạt văn hoá của đồng bào Tây Nguyên có quan hệ đến việc dùng đá làm thành nhạc cụ thực sự. Đó là những phát hiện đàn đá Bảo Lộc, đàn đá Bu-đăng-Xrê ở Lâm Đồng và Mã La Ông Bà ở vùng Khánh Sơn (Phú Khánh).

Đàn đá Bảo Lộc, như đã nói, được người Mơ-nông Mạ gọi là công đá (gông lú). Họ đã sử dụng đàn như là một nhạc cụ linh thiêng. Đàn gồm 6 thanh đá nhạc cổ. Khi chơi đàn, mỗi người đặt một thanh lên đùi, cầm hòn đá nhỏ gỗ vào giữa mặt thanh đá, theo nhịp điệu gần giống như đánh công. Họ cũng đặt tên cho từng thanh đá giống như từng chiếc công trong một giàn.

Đàn đá Bu-đăng-Xrê được đồng bào Mơ-nông gọi là Cô-lô-ghô-lô (Kologolo), gồm 3 thanh đá nhạc cổ, 2 đầu hơi nhọn và nhỏ, giữa thân dày và rộng, dáng cong lõm. Khi họ chơi đàn thì mỗi thanh được cột dây ở 2 đầu. Họ ngồi đối diện từng đôi, một người cầm 2 đầu giây nâng thanh đá lên khỏi mặt đất, một người cầm hòn đá nhỏ

gỗ vào giữa mặt thanh đá tạo nên tiếng nhạc có nhịp điệu. Đàn này nằm trong một giàn nhạc gồm có sáo, đàn môm...

Còn Mã La Ông Bà là loại nhạc cụ có tính chất thiêng liêng của người Rắc-glai. Mỗi một bộ Mã La Ông Bà gồm từ 6, 7 đến 9 thanh đá nhạc cổ (có khi lẫn cả đá kêu), được sử dụng trong những ngày hội, được quan niệm là vật báu của dòng họ Giàng (trời) ban cấp. Người Rắc-glai gõ Mã La Ông Bà ở đầu từng thanh đá theo nhịp điệu như Mã La bằng đồng.

Cả 3 giàn đá nói trên, tuy có cách đánh khác nhau đôi chút, nhưng nhìn chung, chúng đều mang không ít những yếu tố văn hoá âm nhạc có quan hệ nhất định với những giàn công khá thông dụng trong cuộc sống của đồng bào Tây Nguyên. Đặc biệt trong số đó, công đá Bảo Lộc được sử dụng và truyền lưu tới 5, 6 đời, với thời gian ngót 300 năm. Mỗi thanh đá của đàn này lại được đồng bào Mơ-nông Mạ đặt cho các tên gọi khác nhau như: Mai, Rơ-đum, Rơ-đun, Thông, Tru, Cun ; giống với tên gọi của công đồng. Mặt khác, về hình dáng,...chất liệu, kỹ thuật làm đàn này, như đã nói, thật giống với đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc, đàn Bình Đa xưa. Cách đánh đàn của người Đơ-nông Mạ lại cũng phù hợp với dấu sử dụng trên đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc và cũng tương hợp với đặc trưng dấu vết sử dụng của đàn đá Bình Đa xưa. Đây là trường hợp một giàn công đá (theo cách gọi của người Mơ-nông Mạ) có nhiều nét gần gũi nhất với đàn đá xưa về dáng hình và hẳn cả về cách đánh đàn.

Trần Văn Khê, vào năm 1960, sau khi đàn đá Bảo Lộc được phát hiện (1958), đã có sớm suy nghĩ về mối liên hệ truyền thống giữa giàn “công đá” ấy với đàn đá tiền sử Nơ-đút Liêng Cờ-rắc. Ông đã cho rằng “Những thanh đá ấy (tức Nơ-đút Liêng Cờ-rắc) không phải là của một nhạc cụ đơn nhất (instrument unique)”, và “từ chứng tích của đàn đá Bảo Lộc, từ cách đánh công của đồng bào Mơ-nông Mạ, và Ra-đê, khiến chúng ta nghĩ rằng những thanh đá ấy, không phải là một nhạc cụ phức hợp (un instrument composé)”. Về sau, có thêm phát hiện đàn đá Khánh Sơn năm 1979, ông lại càng nhấn mạnh hơn nữa mối liên hệ truyền thống giữa đàn đá xưa và những giàn công đồng ngày nay. Trong bài “Tôi đã gặp đàn đá Khánh Sơn” (1981), Trần Văn Khê đã viết:... “Qua bao nhiêu thế kỷ, quên mất cách đàn thuở xưa, các anh dùng ta như đàn t’rung, cũng là đàn dân tộc Tây Nguyên, nhưng đàn t’rung thuộc loại tre

nửa, một loại đàn gõ treo. Còn ta thì có dân tộc ở Tây Nguyên gọi là công đá (gông lú), thì có lẽ ta gần với họ công hơn là đàn t' rung... Và, nếu sử dụng cách đánh công mà đánh đàn đá, có lẽ gần với phong cách nhạc Tây Nguyên hơn. Mà ở vùng này mỗi người đánh một công. Dầu cho dân tộc Mơ-nông, Gia-rai hay Ê-đê đều đánh công như thế... Ở Tây Nguyên có nhiều dân tộc đánh công, mỗi dân tộc có một phong cách riêng, do đó có thể tìm được nhiều cách đánh đàn đá lắm”.

Như vậy, theo Trần Văn Khê thì, mối liên hệ giữa đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc – công đá Bảo Lộc – công đồng Tây Nguyên chính là mối liên hệ của quá trình phát triển truyền thống loại hình nhạc cụ đàn đá xưa. Suy nghĩ của Trần Văn Khê có phần thoả đáng và có cơ sở khoa học nhất định. Nếu duyệt lại các nhạc cụ Tây Nguyên thuộc bộ gõ thì thấy chỉ có mấy thứ trống da trâu, đàn tre (tức đàn t' rung) và công. Trong đó, trống da thật khó liên hệ được với đàn đá xưa ; đàn t' rung thuộc loại tre nửa, loại đàn gõ treo, cũng khó tìm thấy những nét gần gũi với đàn đá cổ. Thận chí, có người còn cho rằng đàn t' rung là hậu sinh của các giàn nhạc nước bằng tre nửa. Chỉ có công đồng là loại nhạc cụ duy nhất hiện biết là gần gũi đàn đá hơn cả về cách dùng và cả về âm thanh. Nếu quả đúng như vậy, thì đàn đá Bình Đa, thuộc cùng loại với đàn Nơ-đút Liêng Cờ-rắc, đàn Bảo Lộc, đã nhận biết được đồng loại nối dõi mình, tuy có khác lạ về chất liệu, về hình dáng, nhưng âm thanh, tiếng nhạc cùng cách chơi và vị trí xã hội lại vẫn gần như xưa. Ngược lại, công đồng – một nhạc cụ thông dụng, và quan trọng nhất trong cuộc sống của đồng bào Tây Nguyên đã tìm thấy truyền thống thật xa xưa, cả hàng nghìn năm trước, nhưng quê hương sinh sản lại thật gần gũi, ngay trên vùng đất mà nó đang được trân trọng.

Ở đây, chúng ta thấy rõ khám phá đàn đá Bình Đa không những soi sáng được nhiều điều bí ẩn trong gia đình đàn đá Việt Nam ; mà còn góp phần đưa đến những nhận thức đầu tiên về cội nguồn bản địa xa xưa của nền âm nhạc cổ truyền, độc đáo và phong phú của đất – người Tân Nguyên.

LỜI KẾT

Việc phát hiện đàn đá trong di tích làng cổ Bình Đa năm 1979 quả đã khai thông nhiều vấn đề khoa học khá máu chốt về loại hình nhạc cụ đàn đá xưa, về dòng

nhạc đàn đá cổ mà từ mấy chục năm qua hầu như chưa được soi sáng. Phát hiện ấy cũng đã đưa đến cho chúng ta không ít nhận thức thật mới mẻ về tài năng của người đã khuất, về đặc điểm văn hoá – xã hội đã qua, và cả về thiên nhiên xưa của nơi đất cũ Đồng Nai, của cả vùng Nam Tây Nguyên rộng lớn.

Câu chuyện kể về đàn đá xưa – loại nhạc cụ nổi tiếng thế giới đã khác trước. Nó có nội dung phong phú hơn, chính xác và cụ thể hơn. Trước đây, hầu như mọi người đều nghĩ rằng, đàn đá là nhạc cụ độc đáo của đất và người Tây Nguyên. Nhưng, trên thực tế lịch sử, thì đàn đá lại từng hoà chung nhịp sống với dân làng Bình Đa xưa. Tiếng nhạc của đàn đá cũng đã một thời vang vọng khắp xóm làng cổ kính nằm ven sông Đồng Nai lịch sử.

Đàn ấy, qua giám định địa chất – thạch học, biết chắc không phải mang từ xa đến. Con người ở nơi đây, từ thật xa xưa, khoảng ba nghìn năm trước, đã biết chọn đá trong vùng, ghè đẽo thành đàn, tạo nên tiếng nhạc. Họ chính là lớp người đã nắm vững và hẳn đã sáng chế ra kỹ thuật – nghệ thuật làm đàn đá, khởi dựng lên những nét nhạc chân chất của dòng nhạc đàn đá xưa. Những điều kiện thiên nhiên đồi gò trùng điệp, rừng rậm bao trùm, những hoạt động rộng lớn của nền nông nghiệp nương rẫy ; và trình độ phát triển cao của một xã hội ở vào thời đại đồ đồng hiếm kim loại, chắc hẳn đã là những tiền đề vật chất quan trọng nhất làm cơ sở cho những sáng tạo độc đáo về đàn đá và về dòng nhạc đàn đá xa xưa.

Đàn ấy lại đã được tác chế và sử dụng vào thời đoạn nền văn hoá cổ Đồng Nai bắt đầu nở rộ vào thời kỳ dòng nhạc đàn đá đang đạt tới sự chuẩn mực và dân phổ cập rộng rãi. Cho nên, ngoài đàn đá của cư dân cổ Bình Đa (Biên Hoà), tại nhiều xóm làng cổ khác cũng đã có đàn, đã làm được đàn đá giống như Bình Đa.

Trên vùng đất cao nguyên Lâm viên – Di Linh – Bảo Lộc, có đàn đá Nơ-đút Liêng Cờ-rắc, có đàn đá Bảo Lộc. Và, cách đây không lâu, vào năm 1982, khảo cổ học lại có may mắn lớn, tiếp tục phát hiện thêm nhiều thanh mảnh đàn đá nằm lẫn với nhiều công cụ đá, đồ gốm trong lớp đất văn hoá của hai di tích làng cổ thuộc cùng một thời kỳ phát triển như làng Bình Đa xưa. Đó là di tích Gò me ở trung tâm thành phố Biên Hoà (Đồng Nai) và di tích Đa Cai nằm trên đồi đất đỏ bên hữu ngạn sông La Ngà, ở địa phận xã Sùng Nhân (Đức Linh – Thuận Hải). Những thanh, mảnh